

Bản án số: 92/2024/LĐ-ST

Ngày: 25 – 7 – 2024

V/v “*Tranh chấp yêu cầu tuyên bố
hợp đồng lao động vô hiệu
và điều chỉnh Sổ bảo hiểm xã hội*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn công Thức

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Minh;

2. Bà Nguyễn Thị Rạt.

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Như Ý – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Tư – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số: 119/2024/TLST – LĐ ngày 22 tháng 5 năm 2024 về việc “*Tranh chấp yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu và điều chỉnh Sổ bảo hiểm xã hội*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 116/2024/QĐXXST – LĐ ngày 11 tháng 7 năm 2024 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Ông Châu Quít T, sinh năm 1991;

Địa chỉ: S, Văn G, T, An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Châu Chanh N, sinh năm 1996

Địa chỉ: Khóm X, phường T, thị xã T, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn:* Công ty cổ phần D

Địa chỉ trụ sở: Lô E- E15 đường H-T, khu công nghiệp H, ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Tấn H – Tổng Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Minh H1 – Phó Phòng hành chính.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Châu Sóc C, sinh năm 2001

Địa chỉ: S, Văn G, T, An Giang.

- Bảo hiểm xã hội tỉnh L;

Địa chỉ trụ sở: Số H T, phường D, thành phố T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần S – Giám đốc.

(Tất cả đương sự xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 5 năm 2024, nguyên đơn ông Chau Quít T do ông Chau Chanh N đại diện trình bày:

Từ tháng 11 năm 2019 đến tháng 4 năm 2023, ông Chau Quít T vào làm tại Công ty TNHH Q1 tại huyện Đ, tỉnh Long An. Ông T có tham gia bảo hiểm xã hội theo Sổ bảo hiểm xã hội mã số là 8923396965.

Do bản thân không am hiểu về pháp luật và muốn giúp đỡ ông C1 Sóc Canh có thể đi làm tạo thu nhập lo cho gia đình, nên đã cho ông C1 Sóc Canh mượn giấy chứng minh nhân dân tên Chau Quít T để ông Chau Sóc C2 đi làm tại Công ty cổ phần D trong khoảng thời gian từ tháng 10 năm 2018 đến tháng 6 năm 2020. Khi ông C1 Sóc Canh mang tên Chau Quít T làm việc tại Công ty cổ phần D thì ông Chau Sóc C cũng tham gia bảo hiểm xã hội theo Sổ bảo hiểm xã hội mã số là 8012022131 (thời điểm này ông Chau Sóc C có độ tuổi lao động là 17 tuổi).

Việc ông T cho ông C mượn giấy chứng minh nhân dân là không đúng quy định pháp luật và người thực hiện hợp đồng lao động với Công ty cổ phần D không phải do bản thân ông Chau Quít T thực hiện. Hiện nay tồn tại hai sổ bảo hiểm xã hội có mã số là 8923396965 và 8012022131 cùng mang tên Chau Quít T nên ông Chau Quít T không thể thực hiện việc chốt sổ bảo hiểm được. Do đó ông Chau Quít T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1/ Vô hiệu hợp đồng lao động được xác lập giữa ông Chau Sóc C (nhưng trên hợp đồng lao động ghi tên là ông Chau Quít T) với Công ty cổ phần D với thời gian từ tháng 10 năm 2018 đến tháng 6 năm 2020 và giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu.

2/ Điều chỉnh Sổ bảo hiểm xã hội mã số 8012022131 cấp cho ông Chau Quít T thành tên Chau Sóc C.

Bị đơn Công ty cổ phần D do ông Lê Minh H1 đại diện có văn bản trình bày:

Công ty xác định ông Chau Quít T có ký hợp đồng lao động vào làm việc tại Công ty cổ phần D từ tháng 10/2018 đến tháng 6/2020 thì ông T nghỉ việc. Công ty đã thực hiện việc chốt sổ BHXH cho người lao động theo đúng quy định. Qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, công ty đồng ý vô hiệu hợp đồng lao động để hỗ trợ người lao động được chốt sổ bảo hiểm xã hội. Đại diện công ty có văn bản đề nghị xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Chau Sóc C có văn bản trình bày: Do ông còn nhỏ tuổi nên có mượn giấy chứng minh nhân dân của ông Chau Quít T để vào làm việc tại Công ty cổ phần D từ tháng 10 năm 2018 đến tháng 6 năm 2020. Ông chưa thực hiện các thủ tục để được hưởng trợ cấp BHXH một lần và chưa hưởng tiền trợ cấp BHTN đối với số Sổ bảo hiểm xã hội mã số là 8012022131. Ông thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông Chau Quít T, ông đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội tỉnh L trình bày: Căn cứ vào hồ sơ, dữ liệu quản lý thu, sổ, thẻ và chính sách BHXH, bảo hiểm y tế, BHTN, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, Bảo hiểm xã hội tỉnh L xác định Công ty cổ phần D có tham gia bảo hiểm cho ông Chau Quít T từ tháng 10 năm 2018 đến tháng 6 năm 2020 với số sổ bảo hiểm 8012022131, ông Chau Quít T chưa hưởng chế độ BHTN, đã hưởng chế độ bảo hiểm xã hội 1 lần với thời gian bảo hiểm xã hội từ tháng 8/2012 đến tháng 3/2014 với số tiền hưởng 3.622.234 đồng theo Quyết định số 071296/QĐ-BHXH ngày 23/5/2015 của bảo hiểm xã hội huyện Đ, chưa hưởng chế độ BHXH 1 lần với thời gian đóng BHXH từ tháng 10 năm 2018 đến tháng 6 năm 2020. Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng của vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa phát biểu:

Về thủ tục tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng đầy đủ, đúng trình tự thủ tục, người tham gia tố tụng đúng thành phần. Phiên tòa được tiến hành đúng trình tự. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Ông Chau Quít T yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng lao động giữa ông với Công ty cổ phần D, thời gian lao động từ tháng 10/2018 đến tháng 6/2020 là phù hợp nên được chấp nhận vì thời gian này ông Chau Quít T không làm việc tại Công ty cổ phần D mà ông T làm việc tại Công ty TNHH Q1 tại huyện Đ, tỉnh Long An. Ông T có tham gia bảo hiểm xã hội theo Sổ bảo hiểm xã hội mã số là 8923396965. Thời gian này, ông Chau Sóc C ký hợp đồng và làm việc tại Công ty cổ phần D và tham gia BHXH số số 8012022131.

Việc ông Chau Sóc C sử dụng giấy tờ của ông Chau Quít T làm hồ sơ ký hợp đồng lao động với Công ty cổ phần D là vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 15, khoản 2 Điều 16, điểm b khoản 4 Điều 49 của Bộ luật Lao động năm 2019.

Từ những lý do trên có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của của ông Chau Quít T.

Tuyên vô hiệu hợp đồng lao động được ký kết giữa ông Chau Sóc C (nhưng trên hợp đồng lao động ghi tên Chau Quít T) với Công ty cổ phần D từ tháng 10 năm 2018 đến tháng 6 năm 2020.

Điều chỉnh tên Chau Quít T trên sổ BHXH mã số 8012022131 trong giai đoạn từ tháng 10/2018 đến tháng 6/2020 tại Công ty cổ phần D1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật cần giải quyết: Xét yêu cầu khởi kiện của ông Chau Quít T nêu trên, Hội đồng xét xử thấy quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án là: “*Tranh chấp yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động và điều chỉnh Sổ bảo hiểm xã hội*” vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 32 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Công ty cổ phần D có trụ sở tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2]. Về tư cách tố tụng, thời hiệu và phạm vi giải quyết.

Ông Chau Quít T là người khởi kiện được xác định là nguyên đơn, Công ty cổ phần D là người bị kiện được xác định là bị đơn. Ông Chau Sóc C và Bảo hiểm xã hội tỉnh L được xác định là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Thời hiệu khởi kiện: Ông Chau Quít T khởi kiện Công ty cổ phần D trong khoảng thời gian từ tháng 10 năm 2018 đến tháng 6 năm 2020 vì cho rằng quyền lợi bị xâm phạm do hợp đồng giả tạo là còn trong thời hiệu khởi kiện nên ông Chau Quít T có quyền khởi kiện theo quy định tại Điều 190 Bộ luật lao động năm 2019, Điều 184 và Điều 186 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.3]. Về xét xử vắng mặt: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.4]. Chứng cứ, nghĩa vụ chứng minh và luật áp dụng.

Về chứng cứ: Quá trình tố tụng, ông Chau Quít T có nộp Sổ BHXH mã số 8923396965; Bản quá trình đóng bảo hiểm xã hội trùng sổ 8012022131 và 8923396965 cùng mang tên Chau Quít T.

Tòa án xét xử trên cơ sở chứng cứ do người khởi kiện cung cấp và chứng cứ do Tòa án thu thập khi thấy cần thiết theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bộ luật Lao động để áp dụng giải quyết tranh chấp: Các bên tranh chấp hợp đồng lao động trong thời gian từ tháng 10 năm 2018 đến tháng 6 năm 2020 nên Bộ luật Lao động được áp dụng để giải quyết tranh chấp là Bộ luật Lao động năm 1994 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2002, 2006, 2007). Thời điểm giải quyết tranh chấp thì Bộ luật Lao động năm 2019 và Bộ luật tổ tụng dân sự năm 2015 đang có hiệu lực pháp luật nên được áp dụng.

Tòa án lập biên bản về kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về hợp đồng lao động: Ông Châu Quít T khởi kiện yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động được xác lập giữa ông Châu Quít T nhưng do ông Châu Sóc C là người trực tiếp lao động với Công ty cổ phần D thời gian từ tháng 10 năm 2018 đến tháng 6 năm 2020 là vô hiệu. Tuy nhiên ông Châu Quít T không cung cấp được hợp đồng lao động. Căn cứ vào Bảo hiểm xã hội tỉnh L xác định Công ty cổ phần D có tham gia bảo hiểm cho ông Châu Quít T từ tháng 10 năm 2018 đến tháng 6 năm 2020 theo Sổ bảo hiểm xã hội mã số 8012022131 nên có căn cứ xác định giữa ông Châu Quít T với Công ty cổ phần D có giao kết hợp đồng lao động, thời hạn hợp đồng từ tháng 10 năm 2018 đến tháng 6 năm 2020.

Xét thấy, ông Châu Quít T có cho ông C1 Sóc Canh mượn chứng minh nhân dân mang tên ông Châu Quít T để xác lập hợp đồng lao động và trực tiếp tham gia lao động, đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 10 năm 2018 đến tháng 6 năm 2020 tại Công ty cổ phần D theo sổ BHXH mã số 8012022131. Trong khi đó ông Châu Quít T cũng trực tiếp tham gia lao động tại Công ty TNHH Q1 tại huyện Đ, tỉnh Long An. Trong khoảng thời gian này, ông Châu Quít T cũng tham gia đóng bảo hiểm xã hội theo Sổ bảo hiểm xã hội mã số là 8923396965.

Như vậy có căn cứ xác định trong khoảng thời gian từ tháng 10 năm 2018 đến tháng 6 năm 2020 thì người mang tên Châu Quít T cùng lúc tham gia bảo hiểm xã hội tại hai doanh nghiệp là Công ty cổ phần D và Công ty TNHH Q1.

Do đó, việc ông Châu Sóc C trực tiếp tham gia lao động với Công ty cổ phần D nhưng xác lập hợp đồng lao động với tên người lao động là Châu Quít T là vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 30 Bộ luật Lao động năm 1994 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2002, 2006, 2007), vi phạm nguyên tắc “trung thực” theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ Luật Lao động, vi phạm các hành vi bị cấm như gian lận, giả mạo hồ sơ trong việc thực hiện BHXH, BHTN theo quy định tại khoản 4 Điều 17 của Luật BHXH số 58/2014/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2014 nên có cơ sở xác định hợp đồng lao động được xác lập giữa ông Châu Quít T với Công ty cổ phần D là không có hiệu lực.

Từ các nhận định nêu trên, xét yêu cầu khởi kiện của ông Chau Quít T là có căn cứ nên được chấp nhận.

[2.2]. Về hậu quả của hợp đồng lao động bị vô hiệu: Do hợp đồng lao động bị vô hiệu nên sẽ điều chỉnh tên Chau Quít T trên Sổ bảo hiểm xã hội mã số 8012022131 trong giai đoạn từ tháng 10 năm 2018 đến tháng 6 năm 2020 tại Công ty cổ phần D1 tên Chau S.

[3]. Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa tham gia phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về án phí: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Chau Quít T tự nguyện chịu án phí lao động sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, Điều 32, Điều 35, Điều 39, Điều 68, Điều 184, Điều 186, Điều 91, Điều 93, Điều 97, Điều 147, Điều 195, Điều 196, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1, khoản 4 Điều 30 Bộ luật Lao động năm 1994 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2002, 2006, 2007);

Căn cứ Điều 13, khoản 1 Điều 15; khoản 2 Điều 16, Điều 49, Điều 50, Điều 51 và Điều 190 Bộ Luật Lao động năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Chau Quít T về việc: “*Tranh chấp yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu và điều chỉnh Sổ bảo hiểm xã hội*” với Công ty cổ phần D.

1.1. Tuyên bố vô hiệu hợp đồng lao động được xác lập giữa ông Chau Sóc C (nhưng trên hợp đồng lao động ghi tên là Chau Quít T) với Công ty cổ phần D, thời gian từ tháng 10 năm 2018 đến tháng 6 năm 2020;

1.2. Điều chỉnh Sổ bảo hiểm xã hội mã số 8012022131 cấp cho ông Chau Quít T do Công ty cổ phần D nộp từ tháng 10 năm 2018 đến tháng 6 năm 2020 tại Bảo hiểm xã hội tỉnh L thành tên Chau S

Ông Chau Quít T được hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội theo hợp đồng lao động được xác lập giữa ông Chau Quít T với Công ty TNHH Q1.

Ông Chau Sóc C được hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội theo hợp đồng lao động được xác lập giữa ông Chau Sóc C với Công ty cổ phần D theo Sổ bảo hiểm xã hội mã số 8012022131 đã được điều chỉnh.

2. Về án phí lao động sơ thẩm: Ông Chau Quít T tự nguyện chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí lao động sơ thẩm sung vào Ngân sách Nhà nước nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004588 ngày 17/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, ông Chau Quít T đã nộp đủ tiền án phí.

4. Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) kể từ ngày được Tòa án tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Long An;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Văn Công Thức

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Chí L – Trần Thị Đồi Nguyễn Hữu Q

